

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/DS-ST
Ngày: 28 - 4 - 2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
Mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Minh

Ông Lê Văn Dài

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số: 44/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: ông Trần Thanh P 1977.

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

-Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

(Ông Trần Thanh P1, ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/10/2024 cùng bản tự khai ông Trần T1 P2bày: Vào ngày 11/10/2019, ông Huỳnh Văn T2 cửa hàng T1để làm giấy bán, cho, tặng xe cho ông P01 xe mô tô ACRUZO, hiệu Yamaha, biển số 66B1 - 294.55; màu xe : Trắng; số máy E3T9E016961; số khung A910FY016953 với số tiền 10.000.000 đồng. Việc mua bán xe có làm hợp đồng mua bán xe được Ủy ban nhân dân thị trấn chứng thực số 1808, ngày 11/10/2019 và ông T1làm biên nhận nhận của ông P14tiền 10.000.000 đồng, nhưng ông T2giao xe cho ông P3ông P4tắt việc chuyển nhượng xe theo quy định.

Ông Trần Thanh P2 tuyên bố hợp đồng mua bán xe được Ủy ban nhân dân thị trấn chứng thực số 1808, ngày 11/10/2019 giữa ông Trần T1 P6 ông H. Ông P5 cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng mua bán bị vô hiệu, buộc ông T1 trả cho ông P14 tiền 10.000.000 đồng và yêu cầu ông T4 lãi 1,66%/tháng từ ngày 15/10/2019 – 15/9/2024 là 60 tháng x 166.000đ/tháng = 9.960.000 đồng. Tổng số tiền là 19.960.000 đồng và tiếp tục tính lãi 1,66%/tháng từ ngày 16/9/2024 đến khi Tòa án ra quyết định.

Tại phiên tòa ông Trần T1 P5 cầu ông Huỳnh Văn T phải trả cho ông P14 tiền gốc còn nợ là 10.000.000 đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông T4 lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 15/10/2019 – 15/9/2024 là 60 tháng x 166.000đ/tháng = 9.960.000 đồng. Ông P7 kết chữ ký “T và chữ viết họ và tên “ Huỳnh Văn T5 biên nhận nợ ngày 15/10/2019 là do ông T6 tên và viết họ và tên. Ông P7 kết nội dung trên là đúng sự thật nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông Huỳnh Văn T3 không rõ lý do nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ được thu thập hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của nguyên đơn, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh P3 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn là ông Huỳnh Văn T có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2025/QĐXXST-DS, vụ án được xét xử vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 11 tháng 4 năm 2025, bị đơn ông Huỳnh Văn T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2025, phiên tòa được xét xử vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 28/4/2025, bị đơn ông Huỳnh Văn T3 lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Huỳnh Văn T là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật: Vào ngày 11/10/2019, ông Huỳnh Văn T2 cửa hàng T1 để làm giấy bán, cho, tặng xe cho ông P01 xe mô tô ACRUZO, hiệu Yamaha, biển số 66B1-294.55; màu xe : Trắng; số máy E3T9E016961; số khung A910FY016953 với số tiền 10.000.000 đồng. Việc mua bán xe có làm hợp đồng mua bán xe được Ủy ban nhân dân thị trấn chứng thực số 1808, ngày 11/10/2019 và ông T1 làm biên nhận nhận của ông P14 tiền 10.000.000 đồng, nhưng ông T2 giao xe cho ông P3 ông P4 tất việc chuyển nhượng xe theo quy định nên phát sinh tranh chấp Hợp đồng mua bán theo Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại Điều 430 ghi: “Hợp đồng mua bán là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán...”

[2.1] Xét đối với bị đơn ông Huỳnh Văn T, Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai và tổng đạt niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn không đến tòa án giải quyết. Căn cứ vào chứng cứ chứng minh của ông Trần Thanh P3 đối với hợp đồng mua bán 01 xe mô tô ACRUZO, hiệu Yamaha, biển số 66B1 -294.55; màu xe:Trắng; số máy E3T9E016961; số khung A910FY016953, mang tên Huỳnh Văn T với số tiền 10.000.000 đồng và nhận tiền đủ từ ông P9có thật. Tuy nhiên, đến nay ông T không giao tài sản là xe mô tô ACRUZO, hiệu Yamaha, biển số 66B1 -294.55 cho ông P10giữa ông P10ông T8chưa thực hiện việc chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản. Ông P5cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe mô tô ACRUZO, hiệu Yamaha, biển số 66B1 -294.55 được Ủy ban nhân dân thị trấn T, ngày 11/10/2019 giữa ông P4 T9hiệu. Ông Trần Thanh P2 giải quyết hậu quả của hợp đồng mua bán vô hiệu, buộc ông T1trách nhiệm trả lại cho ông P14tiền mua bán xe là 10.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Nên tuyên bố vô hiệu hợp đồng mua bán xe mô tô ACRUZO, hiệu Yamaha, biển số 66B1 -294.55 được Ủy ban nhân dân thị trấn T6, ngày 11/10/2019, buộc ông T11có trách nhiệm trả cho ông P14tiền 10.000.000 đồng là phù hợp với Điều 407 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại Toà ông P11một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông T4lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 15/10/2019 – 15/9/2024 là 60 tháng x 166.000đ/tháng = 9.960.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự và xét thấy cũng có lợi cho phía bị đơn nên đình chỉ, không xem xét giải quyết phần yêu cầu của ông P12việc yêu cầu ông T4tiền lãi 9.960.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Bị đơn có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 430, 407 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần T1 P13

Tuyên bố hợp đồng mua bán xe mô tô ACRUZO, hiệu Yamaha, biển số 66B1 -294.55; màu sơn :Trắng; số máy E3T9E016961; số khung A910FY016953, mang tên Huỳnh Văn T10Ủy ban nhân dân thị trấn C, ngày 11/10/2019, giữa ông Trần T1 P6ông H.

Buộc ông Huỳnh Văn T4 trách nhiệm trả cho ông Trần T1 P14tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Do ông P11 một phần yêu cầu ông T4 tiền lãi 9.960.000 đồng (Chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Nên đình chỉ, không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trần Thanh P3 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn T5 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông P15 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Trần T1 P8 số tiền 499.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007099, ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 28/4/2024).

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- CCTHADS H.Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ & Văn Phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh